TÒA ÁN N DÂN **T PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2025/QĐST-DS	*V, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải T ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1960.**

Địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh P.

- Bị đơn: **Bà Bùi Thị S, sinh năm 1963.**

Địa chỉ: Khu 7, A, xã P, T phố V, tỉnh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban N dân T phố V, tỉnh P.

Địa chỉ: Phường Tiên Cát, T phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T Tr; Chức vụ: Phó phòng tài nguyên và môi trường. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2024).

+ Ủy ban N dân xã P, T phố V, tỉnh P.

Địa chỉ: xã P, T phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy N; Chức vụ: Phó Chủ tịch. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2024).

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu 7, A, xã P, T phố V, tỉnh P.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu 7, A, xã P, T phố V, tỉnh P.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh N.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 6, xã P, T phố V, tỉnh P.

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990.

Đều có địa chỉ: Khu 7, A, xã P, T phố V, tỉnh P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 1187,0m^2 (trong đó 300m^2 đất ở; 887m^2 đất vườn), thửa đất số 137, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 650971 do Ủy ban N dân T phố V, tỉnh P cấp ngày 02/12/2002 đứng tên hộ bà Bùi Thị S tại địa chỉ: Thôn A, xã P, T phố V, tỉnh P là di sản thừa kế của vợ chồng ông Nguyễn Văn Chúc, sinh năm 1905, chết năm 1990 và bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1920, chết năm 2008 để lại.

2.2. Những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Chúc và bà Nguyễn Thị Lan gồm:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khu 7, A, xã P, T phố V, tỉnh P.

- Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh P.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu 7, A, xã P, T phố V, tỉnh P.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Ninh Xá, xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

2.3. Nay thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông Chúc, bà Lan như sau:

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 (là cháu nội) được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 322,3m^2 (trong đó 100m^2 đất ở; 122,3m^2 đất vườn), thửa đất số 137, tờ bản đồ 04 có địa chỉ tại thôn A (nay là khu 7), xã P, T phố V, tỉnh P theo các chỉ giới 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 11.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 (là cháu nội) được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 129,5m^2 (trong đó 50m^2 đất ở; 79,5m^2 đất vườn) thửa đất số 137, tờ bản đồ 04 có địa chỉ tại thôn A (nay là khu 7), xã P, T phố V, tỉnh P theo các chỉ giới 10, 11, 17, 18, 10.

- Bà Bùi Thị S, sinh năm 1963 (là con dâu) được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 123,6m^2 (trong đó 50m^2 đất ở; 73,6m^2 đất vườn) thửa đất số 137, tờ bản đồ 04 có địa chỉ tại thôn A (nay là khu 7), xã P, T phố V, tỉnh P theo các chỉ giới 9, 10, 18, 19, 9.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (là con trai) được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 118,2m^2 (trong đó 50m^2 đất ở; 68,2m^2 đất vườn) thửa đất số 137, tờ bản đồ 04 có địa chỉ tại thôn A (nay là khu 7), xã P, T phố V, tỉnh P theo các chỉ giới 8, 9, 19, 20, 8.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949; bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969 (là các con gái) được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 493,4m^2 (trong đó 50m^2 đất ở; 443,4m^2 đất vườn) thửa đất số 137, tờ bản đồ 04 có địa chỉ tại thôn A (nay là khu 7), xã P, T phố V, tỉnh P theo các chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 20, 21, 22, 1.

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo).

Anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Nguyễn Thị P có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2.4. Anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Nguyễn Thị P không ai phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

2.5. Ông Nguyễn Văn T phải tự tháo dỡ đối với phần nhà tôn nằm trên phần đất của bà Bùi Thị S được chia, trường hợp ông T không tự tháo dỡ thì bà S có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

2.6. Bà Bùi Thị S phải tự tháo dỡ đối với phần chuồng bò nằm trên phần đất của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Nguyễn Thị P được chia, trường hợp bà S không tự tháo dỡ thì bà M, bà N, bà P có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

2.7. Đối với các cây xoan do ông Nguyễn Văn T trồng trên phần đất của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Nguyễn Thị P được chia. Bà M, bà N, bà P không đề nghị ông T phải chặt bỏ, khi nào đến thời điểm thu hoạch thì giữa ông T và bà M, bà N, bà P tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 13.800.000đ *(Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).* Bà Nguyễn Thị Minh N xin tự nguyện chịu toàn bộ. Xác nhận bà N đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M, bà Bùi Thị S, bà Nguyễn Thị Minh N, ông Nguyễn Văn T có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu 5.195.000đ *(Năm triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn K phải chịu 10.057.500đ *(Mười triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu 5.609.000đ *(Năm triệu, sáu trăm linh chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành *án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc*

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị H